

Số: 5456501

|                                                | PEUGEOT 408 LEGEND EDITION<br>PREMIUM | PEUGEOT 408 SPORT EDITION<br>ALLURE |
|------------------------------------------------|---------------------------------------|-------------------------------------|
| <b>Giá niêm yết:</b>                           | <b>1.139.000.000đ</b>                 | <b>1.039.000.000đ</b>               |
| <b>KÍCH THƯỚC - KHỐI LƯỢNG:</b>                |                                       |                                     |
| Kích thước tổng thể (mm)                       | 4687 x 1850 x 1510                    | 4.687 x 1.850 x 1.510               |
| Chiều dài cơ sở (mm)                           | 2787                                  | 2.787                               |
| Khoảng sáng gầm xe (mm)                        | 189                                   | 189                                 |
| Khối lượng không tải (kg)                      | 1450                                  |                                     |
| Khối lượng toàn tải (kg)                       | 1900                                  |                                     |
| Thể tích khoang hành lý (L)                    | 536                                   |                                     |
| Dung tích thùng nhiên liệu (L)                 | 52                                    |                                     |
| Số chỗ ngồi                                    | 5                                     |                                     |
| Nguồn gốc                                      | SX-LR trong nước                      |                                     |
| <b>DẪN ĐỘNG - KHUNG GẮM:</b>                   |                                       |                                     |
| Loại động cơ                                   | 1,6 Turbo PureTech                    | 1.6 Turbo PureTech                  |
| Dung tích xi lanh (cc)                         | 1598                                  |                                     |
| Công suất cực đại (hp @ rpm)                   | 218 / 5500                            | 218 @ 5.500                         |
| Mômen xoắn cực đại (Nm @ rpm)                  | 300 / 2000                            | 300 @ 2.000                         |
| Hộp số                                         | 8AT                                   | Tự động 8 cấp                       |
| Hệ thống dẫn động                              | Cầu trước (FWD)                       |                                     |
| Hệ thống treo trước                            | Độc lập Mc Pherson                    |                                     |
| Hệ thống treo sau                              | Bán Độc Lập                           |                                     |
| Hệ thống phanh trước                           | Đĩa                                   |                                     |
| Hệ thống phanh sau                             | Đĩa                                   |                                     |
| Thông số lốp xe                                | 225/55 R18                            | 225/55 R18                          |
| Tiêu thụ nhiên liệu đô thị (L/100km)           | 9.2                                   |                                     |
| Tiêu thụ nhiên liệu ngoài đô thị (L/100km)     | 5.7                                   |                                     |
| Tiêu thụ nhiên liệu hỗn hợp (L/100km)          | 7                                     |                                     |
| Hệ thống dừng/Khởi động động cơ thông minh     | -                                     |                                     |
| Chế độ lái                                     | Eco/Normal/Sport                      |                                     |
| Chế độ địa hình                                | -                                     |                                     |
| <b>NGOẠI THẤT:</b>                             |                                       |                                     |
| Cụm đèn trước                                  | LED                                   | LED                                 |
| Đèn trước tự động bật/tắt                      | ●                                     | ●                                   |
| Đèn trước tự động chiếu xa/chiếu gần           | ●                                     |                                     |
| Đèn trước chức năng tự động cân bằng góc chiếu | -                                     |                                     |
| Đèn trước mở rộng góc chiếu                    | -                                     |                                     |
| Đèn ban ngày LED                               | ● (Nanh Sư Tử)                        |                                     |
| Đèn sương mù                                   | -                                     |                                     |
| Cụm đèn sau                                    | LED                                   | ●                                   |
| Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện           | ●                                     |                                     |
| Gạt mưa tự động                                | ●                                     | ●                                   |
| Cửa sổ trời                                    | -                                     | -                                   |
| <b>NỘI THẤT - TIỆN NGHI:</b>                   |                                       |                                     |

|                                                 |             |            |
|-------------------------------------------------|-------------|------------|
| Vô lăng bọc da                                  | ●           | ●          |
| Chất liệu ghế                                   | Da Claudia  | Da         |
| Ghế người lái chỉnh cơ                          | -           |            |
| Ghế người lái chỉnh điện                        | ●           | ●          |
| Ghế người lái có nhớ vị trí                     | -           |            |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh cơ              | -           |            |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh điện            | ●           | -          |
| Hàng ghế trước có tính năng làm mát             | -           |            |
| Hàng ghế trước có tính năng sưởi                | -           |            |
| Hàng ghế trước có tính năng massage             | -           | -          |
| Tính năng cửa hít                               | -           |            |
| Kính cửa sổ chỉnh điện                          | ●           |            |
| Màn hình đồng hồ đa thông tin                   | 10 Inch     | 10-inch    |
| Màn hình HUD                                    | -           |            |
| Màn hình giải trí trung tâm                     | 10 Inch     | 10-inch    |
| Kết nối Apple Carplay/Android Auto              | ●           |            |
| Hệ thống điều hòa tự động                       | ●           |            |
| Số vùng khí hậu điều hòa                        | 2           |            |
| Cửa gió cho hàng ghế sau                        | ●           |            |
| Chìa khóa thông minh                            | ●           |            |
| Khởi động nút bấm                               | ●           |            |
| Khởi động từ xa                                 | -           |            |
| Hệ thống âm thanh                               | 6 loa       | 6 loa      |
| Lấy chuyển số                                   | ●           |            |
| Sạc không dây Qi                                | ●           |            |
| Phanh đỗ điện tử                                | ●           |            |
| Giữ phanh tự động Autohold                      | -           |            |
| Đèn trang trí nội thất                          | -           |            |
| Rèm che nắng                                    | -           |            |
| Móc khóa ghế trẻ em ISOFIX                      | ●           |            |
| <b>AN TOÀN:</b>                                 |             |            |
| Số túi khí                                      | 6           | 6          |
| Hệ thống chống bó cứng phanh ABS                | ●           |            |
| Hệ thống phân phối lực phanh EBD                | ●           |            |
| Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp BA               | ●           |            |
| Hệ thống cảnh báo phanh khẩn cấp ESS            | ●           |            |
| Hệ thống cân bằng điện tử                       | ●           |            |
| Hệ thống kiểm soát lực kéo chống trượt TCS      | ●           |            |
| Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc HLA         | ●           |            |
| Cảm biến hỗ trợ đỗ xe                           | Trước & sau | Phía sau   |
| Hệ thống cảnh báo điểm mù                       | ●           | -          |
| Hệ thống cảnh báo phương tiện cắt ngang khi lùi | ●           | -          |
| Hệ thống cảnh báo lệch làn đường                | ●           |            |
| Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường                   | ●           | ●          |
| Hệ thống hỗ trợ phanh chủ động                  | ●           | ● (Camera) |
| Hệ thống điều khiển hành trình                  | ●           | ●          |

Hệ thống điều khiển hành trình thích ứng



Hệ thống cảnh báo áp suất lốp



Camera lùi



Phía sau 180°